

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II – SINH HỌC 9 – ĐỀ 1

### a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra học cuối học kì II

- Thời gian làm bài: 60 phút

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm (gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm

- Phần tự luận: 5,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)

- Nội dung cuối học kỳ 2: Các chủ đề : ứng dụng di truyền, sinh vật và môi trường, hệ sinh thái, bảo vệ môi trường

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu TN/ Tổng số ý TL		Điểm số	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tự luận	Trắc nghiệm		
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1. Chủ đề: ứng dụng di truyền		1		2						0	3	0,75
2. Chủ đề: sinh vật và môi trường	4 (ý)	3		3						6	6	1,5
3. Chủ đề :Hệ sinh thái		5	2 (ý)	2				2 (ý)			7	1,75
4. Chủ đề: Bảo vệ môi trường		3		1	4 (ý)						4	1
<b>Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)</b>	<b>4</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>20</b>		
<b>Điểm số</b>	<b>1,0</b>	<b>3,0</b>	<b>1,0</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>	<b>0</b>	<b>1,0</b>	<b>0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	
<b>Tổng số</b>	<b>4,0 điểm</b>		<b>3,0 điểm</b>		<b>2,0 điểm</b>		<b>1,0 điểm</b>		<b>10 điểm</b>		<b>10</b>	

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu TN/ Tổng số ý TL		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tự luận	Trắc nghiệm	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
điểm											điểm

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II - MÔN SINH LỚP 9

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
<b>1. Ứng dụng di truyền</b>						
<b>Chủ đề : Ứng dụng di truyền</b>	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được ứng dụng về nuôi cấy tế bào và mô.</li> <li>- Định nghĩa được hiện tượng thoái hóa giống</li> <li>- Nêu được nguyên nhân thoái hóa giống</li> <li>- Định nghĩa được hiện tượng ưu thế lai</li> <li>- Nêu được nguyên nhân ưu thế lai</li> </ul>		<b>1</b>		C1
	Thông hiểu	- Giải thích có sở di truyền của hiện tượng thoái hóa		<b>1</b>		C2
		- Giải thích có sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai		<b>1</b>		C3
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được phương pháp khắc phục thoái hóa giống được ứng dụng trong sản xuất.</li> <li>- Nêu được phương pháp tạo ưu thế lai được ứng dụng trong sản xuất.</li> </ul>				
Vận dụng cao						
<b>2. sinh vật và môi trường</b>						
Chủ đề sinh vật và môi trường	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái</li> <li>- Kể loại môi trường sống của sinh vật.</li> <li>- Nêu được ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng đến sinh vật.</li> <li>- Nêu được ảnh hưởng của một số nhân tố</li> </ul>		<b>1</b>		C4
			<b>1</b>	<b>2</b>	C21	C5

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		sinh thái vô sinh (nhiệt độ, độ ẩm ) đến sinh vật. Học sinh trình bày được thế nào là nhân tố sinh vật. - Học sinh trình bày được những mối quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và khác loài.				C6
	Thông hiểu	- Phân biệt được các nhân tố sinh thái và biết được các giới hạn sinh thái.  - Nêu được một số nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái của nhân tố ánh sáng.  - Nêu được một số nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái của một số nhân tố sinh thái (nhiệt độ, độ ẩm). - Học sinh nêu đặc điểm các mối quan hệ cùng loài, khác loài giữa các sinh vật: cạnh tranh, hỗ trợ, cộng sinh, hội sinh, kí sinh, ăn thịt sinh vật khác.		3		C7, C8, C9
	Vận dụng	- Nêu được một số ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với môi trường -Phân biệt được sự khác nhau của các mối quan hệ khác loài				
	Vận dụng cao	- Vận dụng về mối quan hệ khác loài để làm tăng năng suất vật nuôi cây trồng				
<b>3. Hệ sinh thái</b>						
<b>Chủ đề: Hệ sinh thái</b>	Nhận biết	- Tái hiện được khái niệm quần thể sinh vật và lấy được ví dụ minh họa.		1		C10
		- Chỉ ra được các đặc trưng cơ bản của QT từ đó thấy được ý nghĩa thực tiễn của từng đặc trưng .		1		C11

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm cơ bản của quần thể người liên quan đến vấn đề dân số</li> <li>- Chỉ ra những đặc điểm khác nhau của QT người với QTSV, nguyên nhân có sự khác nhau đó .</li> <li>- Nhận biết mối quan hệ khác loài.</li> <li>- Trình bày được những hậu quả của tăng dân số quá nhanh</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện pháp lệnh về dân số</li> <li>- Nêu được khái niệm quần xã sinh vật, lấy VD minh họa.</li> <li>- Trình bày được những dấu hiệu điển hình của một QXSV</li> <li>- Tái hiện được khái niệm cân bằng sinh học, lấy VD minh họa về cân bằng sinh học</li> <li>- Nêu được khái niệm hệ sinh thái, chuỗi và lưới thức ăn.</li> <li>- Lấy được ví dụ minh họa các kiểu hệ sinh thái, chuỗi và lưới thức ăn</li> <li>- Nêu được các thành phần của 1 hệ sinh thái hoàn chỉnh</li> </ul>		<p><b>1</b></p> <p><b>2</b></p>		<p>C12</p> <p>C13</p> <p>C14</p>
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được quần thể với một cá thể ngẫu nhiên</li> <li>- Lấy được ví dụ về quần thể sv và quần xã sv</li> <li>- Giải thích trong 3 đặc trưng cơ bản của QTSV: tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, mật độ quần thể thì đặc trưng nào được xem là cơ bản nhất ? Vì sao</li> <li>- Giải thích được thế nào là khống chế sinh học</li> <li>- Giải thích được vì sao QT người lại có một số đặc trưng mà QT sinh vật khác không có</li> <li>- Phân biệt được số lượng và thành phần</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	C22	C15 C16

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		loài trong quần xã - Mô tả được một số dạng biến đổi phổ biến của quần xã chỉ ra được một số biến đổi có hại do tác động của con người gây nên				
	Vận dụng	-Nhận ra được các thành phần của hệ sinh thái ngoài thiên nhiên và xây dựng được chuỗi thức ăn đơn giản - Biết đọc sơ đồ chuỗi thức ăn				
	Vận dụng cao	- Vận dụng kiến thức để giải thích ý nghĩa của việc phát triển dân số hợp lí của mỗi quốc gia - Vận dụng đặc trưng về mật độ quần thể để áp dụng vào thực tiễn trồng trọt và chăn nuôi	<b>1</b>		C24	
<b>4. Bảo vệ môi trường</b>						
Chủ đề bảo vệ môi trường	Nhận biết	- Nêu được các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu. Với mỗi dạng cho VD minh họa. - Trình bày được các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên - Nêu được ý nghĩa của việc cần thiết phải khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã. - Nêu được các biện pháp bảo vệ thiên nhiên: xây dựng khu bảo tồn, săn bắt hợp lí, trồng cây gây rừng, chống ô nhiễm môi trường - Nêu được sự đa dạng của các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước - Nêu được vai trò của các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển, hệ sinh thái nông nghiệp. - Nêu được sự cần thiết ban hành luật và nêu được một số nội dung của luật bảo vệ môi trường		<b>3</b>		C17 C18 C19

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các dạng tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Nêu được tầm quan trọng và tác dụng của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc cần thiết phải khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã.</li> <li>- Trình bày được hiệu quả của các biện pháp bảo vệ đa dạng các HST từ đó đề xuất được các biện pháp bảo vệ phù hợp với hoàn cảnh của địa phương.</li> </ul>		<b>1</b>		C20
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được ví dụ minh họa các kiểu HST chủ yếu</li> <li>- Vận dụng được những nội dung cơ bản của luật bảo vệ môi trường vào tình hình cụ thể ở địa phương</li> <li>- Chứng minh được nước ta có hệ sinh thái nông nghiệp phong phú</li> </ul>	<b>1</b>		C23	
	Vận dụng cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được vì sao phải sử dụng tiết kiệm và hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.</li> <li>- Giải thích được tại sao sử dụng hợp lý tài nguyên rừng có ảnh hưởng tới các nguồn tài nguyên khác như tài nguyên đất, tài nguyên nước.</li> <li>- Giải thích được vì sao cần khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã</li> </ul>				